

QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành đề án tuyển sinh trình độ Sau đại học hệ chính quy năm 2019

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

Căn cứ Quyết định số 666/TTg ngày 11/11/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường ĐHDL Duy Tân;

Căn cứ Quyết định số 339/QĐ/GD-ĐT ngày 23/01/1995 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT về việc cho phép Trường ĐHDL Duy Tân chính thức hoạt động và tuyển sinh;

Căn cứ Quyết định số 83/QĐ-TTg ngày 16/01/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao nhiệm vụ đào tạo trình độ Thạc sĩ cho Trường Đại học Duy Tân;

Căn cứ Quyết định số 3108/QĐ-UBND ngày 19/7/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc công nhận Hiệu trưởng Trường Đại học Duy Tân;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế Tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế Đào tạo trình độ Thạc sĩ;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo Đại học và Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm Quyết định này Đề án Tuyển sinh trình độ Sau đại học hệ chính quy năm 2019 của Trường Đại học Duy Tân.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Phòng Đào tạo ĐH & sau ĐH, Khoa Sau đại học, Phòng KH-TC, các đơn vị liên quan và các học viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Khoa Sau đại học;
- Phòng ĐT ĐH&SDH;
- P.KH-TC;
- VP (lưu)

TS. Lê Nguyên Bảo

**ĐỀ ÁN TUYỂN SINH
HỆ CHÍNH QUY SAU ĐẠI HỌC NĂM 2019**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHDT ngày tháng năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Duy Tân)*

PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG VỀ TRƯỜNG

I. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ trụ sở và địa chỉ trang thông tin điện tử

1. Khái quát chung về Trường Đại học Duy Tân

Hiện nay, Trụ sở chính của Trường đóng tại số K7/25 Quang Trung, Quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Tên Trường: **Trường Đại học Duy Tân – DDT**

Tên tiếng Anh: **Duy Tan University**

Địa chỉ: **03 Quang Trung, thành phố Đà Nẵng**

Điện thoại: **0236. 827.111** Fax: **0236 3650.443**

Website: **www.duytan.edu.vn**

Trường Đại học Duy Tân được thành lập ngày 11/11/1994 theo Quyết định số 666/TTg của Thủ tướng Chính phủ. Năm 2015, Trường đã chuyên đổi sang loại hình Tư thục theo Quyết định số 1704/QĐ-TTg ngày 02/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Sau gần 27 năm xây dựng và phát triển, bộ máy tổ chức, quản lý hoạt động của Trường gồm có: Hội đồng Trường, Đảng ủy, Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên, Hội đồng Khoa học và Đào tạo, 05 trường đào tạo và 02 Viện đào tạo với 26 Khoa 06 Viện nghiên cứu, 19 Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và 27 đơn vị chức năng. Đội ngũ nhân sự toàn Trường có 1.286 cán bộ, giảng viên, nhân viên, trong đó có 912 giảng viên; 27,63% giảng viên có trình độ Tiến sĩ, Phó Giáo sư, Giáo sư. Nhà trường đã đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị đầy đủ, hiện đại bảo đảm chất lượng đào tạo.

Trường đã được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục của Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam chính thức tổ chức đánh giá ngoài và đã được công nhận đạt chất lượng giáo dục vào tháng 2/2017; đã được tổ chức kiểm định ABET (Hoa Kỳ) công kiểm định và công nhận đạt 03 ngành: An ninh mạng và Hệ thống thông tin quản lý năm 2019.

2. Tôn chỉ, Sứ mạng của Trường

Trường đã xác định Tôn chỉ, Sứ mạng và mục tiêu cụ thể sau:

Tôn chỉ: Tất cả vì quyền lợi học tập, nghiên cứu, việc làm và khởi nghiệp của người học đáp ứng nhu cầu xã hội, khu vực và quốc tế.

Sứ mạng: Đào tạo và rèn luyện ra những sinh viên và học viên có lòng yêu nước, có phẩm chất nhân văn mang đậm bản sắc Việt Nam, có ý thức cộng đồng, có sức khỏe, có năng lực và kỹ năng toàn diện, tự tin, năng động, sáng tạo và trở thành một công dân khởi nghiệp mang tính toàn cầu.

Trên cơ sở Luật Giáo dục đại học sửa đổi và Nghị định 99/2019/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, có hiệu lực từ ngày 15/02/2020, Trường Đại học Duy Tân đã xây dựng chiến lược phát triển Trường Đại học Duy Tân đến năm 2025 trở thành Đại học Duy Tân thành lập các Trường đào tạo kinh tế, Khoa học máy tính, Công nghệ, Ngoại ngữ, Y dược và các Viện đào tạo Du lịch, Đào tạo quốc tế.

3. Qui mô đào tạo

Trường Đại học Duy Tân là trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực; tổ chức đào tạo hệ chính quy, liên thông-chính quy, hệ từ xa; đào tạo từ trình độ đại học đến tiến sĩ. Năm học 2019-2020, Trường tổ chức đào tạo 3 chuyên ngành tiến, 7 chuyên ngành Thạc sĩ. Tính đến 31/12/2018, Tổng số NCS, Học viên cao học, sinh viên của trường: 18 NCS; 344 Học viên cao học; thể hiện cụ thể qua *bảng 1, Phụ lục 1*.

PHẦN II. NỘI DUNG ĐỀ ÁN TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC

I. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

1. Đối tượng tuyển sinh

Người dự xét tuyển đào tạo trình độ Tiến sĩ cần thỏa mãn các điều kiện sau:

a) Về văn bằng:

- Có bằng Thạc sĩ chuyên ngành đúng hoặc phù hợp với chuyên ngành dự tuyển.

- Có bằng Thạc sĩ chuyên ngành gần với chuyên ngành dự tuyển. Trong trường hợp này người trúng tuyển phải học bổ sung các môn học cần thiết của bậc học Thạc sĩ chuyên ngành đúng.

b) Có một bài luận về dự định nghiên cứu, trong đó trình bày rõ ràng đề tài hoặc lĩnh vực nghiên cứu, lý do lựa chọn lĩnh vực nghiên cứu, mục tiêu và mong muốn đạt được, lý do lựa chọn cơ sở đào tạo; kế hoạch thực hiện trong từng thời kỳ của thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh trong vấn đề hay lĩnh vực dự định nghiên cứu; dự kiến việc làm sau khi tốt nghiệp; đề xuất người hướng dẫn.

c) Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu.

d) Về trình độ ngoại ngữ:

- Chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 45 điểm trở lên hoặc chứng chỉ IELTS (Academic Test) từ 5.0 trở lên do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 2 năm tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày hết hạn nộp hồ sơ dự tuyển quy định trên thông báo tuyển sinh.

- Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo ở nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian mà ngôn ngữ sử dụng trong đào tạo là tiếng Anh (các bằng tốt nghiệp này phải kèm theo văn bản xác nhận văn bằng của Cục Hợp tác quốc tế thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo).

- Bằng tốt nghiệp đại học ngành tiếng Anh.

e) Điều kiện khác:

- Là tác giả của 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đã được đăng hoặc được nhận đăng trên các tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 36 tháng tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

2. Phương thức tuyển sinh

Tuyển sinh nghiên cứu sinh theo phương thức xét tuyển

3. Chỉ tiêu tuyển sinh theo ngành hoặc chuyên ngành

3.1. Danh mục chuyên ngành xét tuyển

Trường tổ chức xét tuyển các ngành dưới đây:

Bảng 1. Bảng danh mục ngành được phép đào tạo

TT	Mã ngành	Tên ngành	Số quyết định chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành Số quyết định chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ QĐ hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép
1	9480101	Khoa học máy tính	955/QĐ-BGDĐT	14/03/2018	Bộ GD&ĐT
2	9340101	Quản trị kinh doanh	955/QĐ-BGDĐT	14/03/2018	Bộ GD&ĐT
3	9340301	Kế toán	995/QĐ-BGDĐT	14/03/2018	Bộ GD&ĐT

3.2. Chỉ tiêu tuyển sinh chuyên ngành

Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2019 của Trường 15 chỉ tiêu được phân bổ theo bảng sau:

Bảng 2. Tổng hợp chỉ tiêu xét tuyển theo phương thức tuyển sinh

TT	Mã ngành	Ngành học	Tổng chỉ tiêu
1	9480101	Khoa học máy tính	5
2	9340101	Quản trị kinh doanh	5
3	9340301	Kế toán	5

3.3. Hình thức và thời gian đào tạo

- Thời gian đào tạo đối với người có bằng Thạc sĩ là 3 năm tập trung liên tục.

- Trường hợp nghiên cứu sinh không theo học tập trung được thì nghiên cứu sinh phải có tổng thời gian học và nghiên cứu 4 năm, trong đó có ít nhất 12 tháng tập trung liên tục tại Trường trong giai đoạn 24 tháng đầu, kể từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh để thực hiện đề tài nghiên cứu.

4. Các hướng nghiên cứu

Trường dự kiến các hướng nghiên cứu chính công bố cho các nghiên cứu sinh tham gia tuyển sinh năm 2019 như sau:

Bảng 3. Các hướng nghiên cứu và người hướng dẫn nghiên cứu sinh

STT	Ngành/ chuyên ngành đào tạo	Các hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu có thể nhận NCS	Họ tên, học vị, chức danh khoa học của người hướng dẫn dự kiến	Số lượng NCS có thể nhận
1	Khoa học máy tính	Tính toán tiến hóa, Trí tuệ nhân tạo trong Y học, Thực tại ảo, Kiểm thử phần mềm, Tối ưu hóa mạng không dây, Công nghệ mạng 5G và 6G, Học máy và ứng dụng	PGS.TS Nguyễn Gia Như GS.TS Dương Quang Trung PGS.TS Đặng Văn Đức TS. Anand Nayyar TS. Nông Thị Hoa TS. Jolanda Tromp TS. Huỳnh Bá Diệu TS. Hà Thị Như Hằng TS. Lê Thanh Long TS. Nguyễn Gia Trí	5

			TS. Đặng Việt Hùng TS. Võ Nguyên Sơn	
2	Quản trị kinh doanh	Marketing, Quản trị nguồn nhân lực, Quản trị chiến lược, Quản trị đổi mới sáng tạo, Văn hóa doanh nghiệp và Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	PGS.TS Phan Thanh Hải PGS.TS Trần Đình Thiên TS. Võ Thanh Hải TS. Lê Nguyên Bảo TS. Phạm Văn Lâm TS. Đỗ Văn Tính TS. Trịnh Lê Tân T§S.Nguyễn Văn Hùng	5
3	Kế toán	Hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán trong các trường đại học Việt Nam, Tổ chức Hệ thống thông tin kế toán quản trị chi phí trong các doanh nghiệp Việt Nam, Tổ chức công tác kế toán trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin tại các doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu Việt Nam	PGS.TS Lê Đức Toàn TS. Nguyễn Phi Sơn TS. Hồ Văn Nhân TS. Hồ Tuấn Vũ TS. Nguyễn Hữu Phú TS. Hoàng Thanh Hiền	5

5. Tổ chức tuyển sinh

5.1. Thời gian xét tuyển

- Trường tổ chức xét tuyển 02 đợt/năm: Đợt tháng 05/2019 và đợt tháng 11/2019.
- Thời gian nhận hồ sơ từng đợt tuyển sinh thực hiện theo thông báo tuyển sinh hàng năm

5.2. Hồ sơ dự tuyển

- (1) Phiếu Đăng ký xét tuyển Nghiên cứu sinh, Lý lịch khoa học.
- (2) 03 ảnh (4x6) em;
- (3) 02 bản sao văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ;
- (4) 02 bản sao bằng tốt nghiệp ĐH, 02 bản sao bằng điểm ĐH;
- (5) 02 bản sao bằng Thạc sĩ, 02 bản sao bằng điểm Cao học;
- (6) Bảng điểm các môn học bổ túc kiến thức hoặc chuyển đổi (nếu có);
- (7) Phiếu khám sức khỏe; Giấy chứng nhận đối tượng chính sách (nếu có);

- (8) 06 bộ bài luận về định hướng nghiên cứu;
- (9) 06 bộ bản sao bài báo khoa học đã công bố;
- (10) Giấy nhận xét về năng lực chuyên môn của thí sinh do Nhà khoa học giới thiệu.

5.3. Quy trình tuyển sinh Xét tuyển

- Thông báo kế hoạch tuyển sinh trên website của Trường.
- Nhận và kiểm tra hồ sơ dự thi.
- Thành lập các Hội đồng tuyển sinh, Ban Thư ký và Tổ thanh tra phục vụ công tác tuyển sinh.
- Tổ chức xét tuyển: lập danh sách thí sinh, chuẩn bị cơ sở vật chất về phòng xét tuyển, công bố lịch xét tuyển,..
- Thành lập các tiểu ban chuyên môn xét duyệt đề cương dự thi NCS.
- Xét duyệt kết quả chấm đề cương.
- Công bố kết quả tuyển sinh và danh sách nghiên cứu sinh trúng tuyển.

5.4. Địa điểm phát hành và nhận hồ sơ

- Trung tâm Tuyển sinh, Trường Đại học Duy Tân, 254 Nguyễn Văn Linh, Đà Nẵng
- Ban Sau Đại học, Trường Đại học Duy Tân, 254 Nguyễn Văn Linh, Đà Nẵng
- Website: <http://tuyensinh.duytan.edu.vn>; <http://sdh.duytan.edu.vn>
- Điện thoại: (0236) 3653561 - 3652608

6. Chính sách ưu tiên

- Ưu tiên đối với các đối tượng theo quy định của nhà Trường
- Trường thực hiện chính sách học bổng đầu vào, năm học theo thông báo tuyển sinh hàng năm.

7. Học phí và chính sách hỗ trợ tài chính

7.1. Lệ phí xét tuyển nghiên cứu sinh: 3.500.000 đồng/NCS

7.2. Học phí: Học phí 50.000.000 đ/Học kỳ

Trong quá trình làm luận án, Nghiên cứu sinh sẽ được Trường hỗ trợ tài chính khi tham gia giảng dạy tại trường hoặc khi thực hiện các công bố quốc tế và chính sách học bổng theo qui định hàng năm.

8. Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp và ngành gần với ngành đăng ký tuyển sinh, danh mục các học phần bổ sung

Trường hợp cần thiết, nêu chương trình đào tạo trình độ đại học của NCS còn thiếu những môn học, học phần có vai trò quan trọng cho việc đào tạo trình độ tiến sĩ, chương

trình đào tạo có thể yêu cầu NCS học bổ sung một số học phần ở trình độ đại học. Tổng số tín chỉ của các học phần bổ sung được thực hiện theo quy định. Danh mục học phần nêu tại *Phụ lục 2*.

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

1. Đối tượng tuyển sinh

Đã tốt nghiệp đại học của các cơ sở đào tạo trong nước cũng như ngoài nước, bao gồm cả công dân Việt Nam và cả người nước ngoài. Người dự tuyển cần thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a. Thí sinh phải tốt nghiệp đại học

Trường hợp sử dụng giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời để nộp hồ sơ dự thi thì thí sinh phải nộp bổ sung bằng tốt nghiệp trước thời điểm công nhận trúng tuyển của kỳ thi đó (nêu đạt yêu cầu).

b. Điều kiện văn bằng

- Đã tốt nghiệp đại học đúng ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi.
- Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác với ngành, chuyên ngành dự thi phải học bổ sung kiến thức trước khi dự thi.
- Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.

c. Về kinh nghiệm công tác chuyên môn

- Các đối tượng tuyển sinh có bằng đại học ngành đúng, ngành phù hợp và ngành gần với ngành, chuyên ngành dự thi được thi ngay sau khi tốt nghiệp.
- Đối với thí sinh thuộc các ngành khác dự thi ngành Quản trị kinh doanh phải tích lũy kinh nghiệm thực tiễn tối thiểu 02 năm trước khi đăng ký dự thi.

2. Phương thức tuyển sinh

Trường tổ chức thi tuyển đối với người Việt Nam và xét tuyển đối với người nước ngoài có nguyện vọng học thạc sĩ tại Việt Nam.

2.1. Xét tuyển: Đối với người nước ngoài

2.2. Thi tuyển: Đối với người Việt Nam

TT	CHUYÊN NGÀNH	CÁC MÔN THI TUYỂN		
		Chủ chốt 1	Chủ chốt 2	Chủ chốt 3
1	Quản trị kinh doanh	Kinh tế vi mô	Quản trị tài chính	Tiếng Anh
2	Kế toán	Nguyên lý Kế toán	Kế toán tài chính	Tiếng Anh
3	Tài chính Ngân hàng	Kinh tế vi mô	Tài chính- Tiền tệ	Tiếng Anh

4	Khoa học máy tính	Toán rời rạc	Cơ sở lập trình	Tiếng Anh
5	Kỹ thuật Xây dựng	Toán Cao cấp A1	Sức bền vật liệu	Tiếng Anh
6	Tổ chức quản lý Dược	Hóa hữu cơ	Hoá Dược-Dược lý	Tiếng Anh
7	Quan hệ quốc tế	Lịch sử quan hệ quốc tế	Quan hệ đối ngoại Việt Nam từ 1945 đến nay	Tiếng Anh

- **Hình thức thi tuyển:** Thi theo hình thức tự luận.

- **Ngày thi tuyển:** Theo thông báo tuyển sinh từng đợt trong năm

- **Điều kiện miễn thi tiếng Anh:** Theo phụ lục 3

3. Chỉ tiêu tuyển sinh theo ngành hoặc chuyên ngành

3.1. Danh mục chuyên ngành xét tuyển

Trường tổ chức xét tuyển các chuyên ngành dưới đây:

Bảng 4. Bảng danh mục ngành được phép đào tạo

TT	Mã ngành	Tên ngành	Số quyết định chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành Số quyết định chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ QĐ hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép
1	8480101	Khoa học máy tính	955/QĐ-BGDĐT	14/03/2018	Bộ GD&ĐT
2	8340101	Quản trị kinh doanh	955/QĐ-BGDĐT	14/03/2018	Bộ GD&ĐT
3	8340301	Kế toán	955/QĐ-BGDĐT	14/03/2018	Bộ GD&ĐT
4	8580201	Kỹ thuật xây dựng	955/QĐ-BGDĐT	14/03/2018	Bộ GD&ĐT
5	8340201	Tài chính - Ngân hàng	955/QĐ-BGDĐT	14/03/2018	Bộ GD&ĐT
6	8310206	Quan hệ quốc tế	955/QĐ-BGDĐT	14/03/2018	Bộ GD&ĐT
7	8720212	Tổ chức quản lý dược	2951/QĐ-BGDĐT	14/08/2018	Bộ GD&ĐT

3.2. Chỉ tiêu tuyển sinh

Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2019 của Trường 475 chỉ tiêu được phân bổ theo bảng 2 dưới đây:

Bảng 6. Tổng hợp chỉ tiêu xét tuyển theo phương thức tuyển sinh

TT	Mã ngành	Ngành học	Chỉ tiêu
1	8480101	Khoa học máy tính	100
2	8340101	Quản trị kinh doanh	100
3	8340301	Kế toán	30
4	8580201	Kỹ thuật xây dựng	90
5	8340201	Tài chính - Ngân hàng	30
6	8310206	Quan hệ quốc tế	35
7	8720212	Tổ chức quản lý dược	90

4. Hình thức và thời gian đào tạo

- Hình thức đào tạo tập trung. Đào tạo theo định hướng nghiên cứu hoặc định hướng ứng dụng.

- Thời gian đào tạo từ 1,5- 2 năm.

5. Tổ chức tuyển sinh

5.1. Thời gian tuyển sinh

Trường tổ chức thi tuyển 02 đợt/năm: Đợt tháng 05/2019 và tháng 11/2019.

Thời gian nhận hồ sơ từng đợt tuyển sinh thực hiện theo thông báo tuyển sinh hằng năm

5.2. Hồ sơ dự tuyển

- Đơn đăng ký dự thi (theo mẫu);
- Sơ yếu lý lịch (theo mẫu);
- Bản sao bằng tốt nghiệp đại học, bảng điểm đại học (2 bản);
- Bản sao văn bằng chứng chỉ ngoại ngữ (nếu có, 2 bản);
- Giấy chứng nhận sức khỏe do bệnh viện cấp quận, huyện trở lên cấp;
- Giấy tờ hợp pháp về đối tượng ưu tiên (nếu có);
- Hai ảnh 4x6 cm;
- Hai phong bì có dán tem ghi rõ địa chỉ người nhận.

5.3. Quy trình tuyển sinh Xét tuyển

a. Đối với Xét tuyển

- Thông báo kế hoạch tuyển thẳng trên website của Trường
- Xét sơ tuyển hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng: căn cứ vào điều kiện và tiêu chí xét tuyển để sơ tuyển các hồ sơ đạt yêu cầu trình Hội đồng tuyển sinh xét duyệt danh sách

xét tuyển.

- Thành lập các Tiểu ban chuyên môn phỏng vấn xét tuyển, công bố lịch phỏng vấn.
- Các tiểu ban chuyên môn phỏng vấn đánh giá các hồ sơ đăng ký xét tuyển.
- Xét duyệt kết quả xét tuyển: Hội đồng tuyển sinh căn cứ kết quả phỏng vấn xét tuyển của các tiểu ban chuyên môn, căn cứ vào chỉ tiêu xét tuyển, Hội đồng tuyển sinh thông qua danh sách ứng viên đạt yêu cầu xét tuyển.
- Công bố kết quả xét tuyển.

b. Đối với Thi tuyển

- Thông báo kế hoạch tuyển sinh trên website của Trường
- Tổ chức học bổ túc kiến thức
- Nhận và kiểm tra hồ sơ dự thi
- Thành lập các Hội đồng tuyển sinh, Ban Thư ký và Tổ thanh tra
- Tổ chức thi tuyển, bao gồm: lập danh sách thí sinh dự thi, phát phiếu báo dự thi, chuẩn bị cơ sở vật chất về phòng thi, tổ chức tập huấn cho các bộ tham gia công tác tuyển sinh (coi thi, chấm thi, giám sát, phục vụ,...), công bố lịch thi,..
- Thành lập các Ban phục vụ công tác tuyển sinh: Ban đề thi, các tiểu ban chấm thi, tổ sao đề thi, tổ công tác hỗ trợ tuyển sinh.
- Chấm thi, xét duyệt kết quả chấm thi.
- Công bố điểm chuẩn: Hội đồng tuyển sinh căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh công bố điểm chuẩn từng ngành và danh sách trúng tuyển.
- Công bố kết quả tuyển sinh và danh sách thí sinh trúng tuyển.

5.4. Địa điểm phát hành và nhận hồ sơ:

- Trung tâm Tuyển sinh, Trường Đại học Duy Tân, 254 Nguyễn Văn Linh, Đà Nẵng
- Ban Sau Đại học, Trường Đại học Duy Tân, 254 Nguyễn Văn Linh, Đà Nẵng
- Website: <http://tuyensinh.duytan.edu.vn>; <http://sdh.duytan.edu.vn>
- Điện thoại: (0236) 3653561 - 3652608

6. Chính sách ưu tiên

6.1. Đối tượng ưu tiên

a. Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực I trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

- b. Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;
- c. Con liệt sĩ;
- d. Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;
- đ. Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại mục (4);
- e. Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học.

6.2 Mức ưu tiên

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả thi mười điểm cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ và cộng một điểm (thang điểm 10) cho môn chủ chốt 1.

7. Học phí và chính sách hỗ trợ tài chính

7.1. Lệ phí ôn tập và lệ phí dự thi

- Đối với thí sinh dự thi theo định hướng nghiên cứu: 1,5 triệu đồng/Thí sinh
- Đối với thí sinh dự thi theo định hướng ứng dụng 2,2 triệu đồng/Thí sinh

7.2. Học phí

Học phí được thu theo số tín chỉ trong từng học kỳ: 16.000.000 đ/Học kỳ. Đối với ngành Tổ chức quản lý được là 24.000.000 đ/học kỳ.

7.3. Chính sách Học bổng

Trường thực hiện chính sách học bổng đầu vào và trong quá trình học tập, Học viên sẽ được xét học bổng của khóa học theo thông báo tuyển sinh hàng năm.

8. Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp và ngành gần với ngành đăng ký tuyển sinh, danh mục các học phần bổ sung

Qui định ngành đúng, ngành gần và ngành xa với các ngành đăng ký dự thi và các môn học bổ túc kiến thức được thể hiện chi tiết trong *Phụ lục 2*.

III. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng

1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

1.1. Diện tích

Trường đã tạo dựng được 7 cơ sở với diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học cụ thể sau:

- Tổng diện tích của trường: **349.445,3 m²**
- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của cơ sở đào tạo

tính trên một sinh viên chính quy: **62.135, 22 m²**

Bảng 2: Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo

TT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	413	38.611,15
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	6	3.072,80
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	38	6.991,72
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	57	7.252,40
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	112	10.379,08
1.5	Số phòng học đa phương tiện	100%	
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	200	10.915,15
2	Thư viện, trung tâm học liệu	5	1.988,86
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	340	32.516,14
	Tổng	758	73.116,15

1.2. Thống kê phòng thực hành, phòng thí nghiệm và trang thiết bị

Toàn trường có **217** phòng thực hành, thí nghiệm các loại thể hiện qua bảng 2-*Phụ lục 1*

1.3. Thống kê về học liệu trong thư viện

Trường có 3 Thư viện phục vụ công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Hệ thống thư viện được đầu tư trang bị hiện đại, đáp ứng tối đa nhu cầu học tập, nghiên cứu cho giảng viên và sinh viên theo mô hình đào tạo tín chỉ triệt để. Với diện tích 1820 m², với 242.902 đầu sách và tạp chí và hệ thống thư viện điện tử đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu cho người học. Số lượng đầu sách, tạp chí được phân bổ theo các nhóm ngành cụ thể sau:

Bảng 4: Tổng hợp học liệu theo nhóm ngành trong thư viện Trường

STT	Khối ngành	Sách	Tạp chí	Tổng chung
1	Khối ngành I			
2	Khối ngành II	5092	4	5096
3	Khối ngành III	30983	19	31002
4	Khối ngành IV	4318	2	4320

5	Khối ngành V	39870	26	39896
6	Khối ngành VI	20849	8	20857
7	Khối ngành VII	20737	16	20753
8	Các môn chung	16925		16925
TỔNG CỘNG		138.774	75	138849

2. Danh sách giảng viên cơ hữu đủ điều kiện hướng dẫn nghiên cứu sinh theo các ngành hoặc chuyên ngành

Tổng số giảng viên của trường 250 giảng viên có trình độ Tiến sĩ, Phó giáo sư, Giáo sư (*Danh sách giảng viên đính kèm theo phụ lục 4*); trong đó có 178 giảng viên tham gia giảng dạy và hướng dẫn học viên thể hiện qua bảng sau:

STT	Khối ngành	Mã ngành	GS	PGS	TS	Tổng cộng
I. Giảng viên cơ hữu ngành tham gia giảng dạy trình độ tiến sĩ						
1	Khối ngành III					
3.1	Quản trị kinh doanh	9340101	1	5	23	29
3.2	Tài chính - Ngân hàng	9340201	0	2	7	9
3.3	Kế toán	9340301	0	2	7	9
2	Khối ngành V					
5.1	Khoa học máy tính	8480101	1	10	16	27
5.2	Kỹ thuật phần mềm	8480103	0	1	5	6
II. Giảng viên cơ hữu ngành tham gia giảng dạy trình độ thạc sĩ						
1	Khối ngành III					
3.1	Luật kinh tế	8340107	0	4	2	6
3.2	Quản trị kinh doanh	8340101	1	5	23	29
3.3	Tài chính - Ngân hàng	8340201	0	2	7	9
3.4	Kế toán	8340301	0	2	7	9
2	Khối ngành V					
5.1	Khoa học máy tính	8480101	1	7	24	32
5.2	Kỹ thuật xây dựng	8580201	0	9	18	27
5.3	Kỹ thuật điện tử		0	6	19	25
3	Khối ngành VI					
6.1	Tổ chức quản lý dược	8720212	0	5	24	29
4	Khối ngành VII					
7.1	Quan hệ quốc tế	8310206	0	3	7	10

3. Các dự án nghiên cứu hợp tác với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu và doanh nghiệp trong và ngoài nước

Trường xây dựng các mối quan hệ hợp tác quốc tế trong đào tạo, nghiên cứu với các đối tác đã ký kết. Triển khai mở rộng hợp tác trong hợp tác đào tạo với các đại học của

Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan và các nước Đông Nam Á; triển khai mạnh chương trình trao đổi sinh viên quốc tế trong khối ASEAN thông qua tổ chức P2A (Passage To ASEAN) do Trường đồng sáng lập.

Tiếp tục triển khai 13 chương trình đào tạo đã ký kết hợp tác và chuyển giao với các đại học của Hoa Kỳ và Liên kết đào tạo trình độ đại học dưới hình thức 1+1+2 với Trường Lorain, 2+2 với Đại học Medaille và Đại học Appalachian State, 4+0 (du học tại chỗ) với Đại học Upper Iowa, Đại học Troy của Hoa Kỳ; 3+1 với đại học Coventry của Vương quốc Anh, liên kết đào tạo thạc sĩ ngành Điều dưỡng với Đại học Fooyin của Đài Loan.

Mở rộng mạng lưới hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học thông qua việc thành lập các nhóm nghiên cứu. Đẩy mạnh kiểm định chương trình đào tạo theo các chuẩn quốc tế. Tham gia các bảng xếp hạng đại học của các tổ chức trong nước, khu vực và trên thế giới.

4. Kiểm định chất lượng

Trường đã được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục của Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam chính thức tổ chức đánh giá ngoài và đã được công nhận đạt chất lượng giáo dục vào tháng 2/2017; đã được tổ chức kiểm định ABET (Hoa Kỳ) công kiểm định và công nhận đạt 03 ngành: .An ninh mạng và Hệ thống thông tin quản lý năm 2019.

Lần đầu tiên, Trường có ngành Khoa học Máy tính - Kỹ thuật Máy tính được xếp trong Top 301- 400 thế giới, ngành Kỹ thuật Điện-Điện tử nằm trong Top 401- 500 thế giới và đứng trong Top đầu của Việt Nam, lĩnh vực Toán học nằm trong Top 401- 500 trên bảng xếp hạng 500 đại học tốt nhất thế giới cho “Xếp hạng toàn cầu về các Ngành học” của Tổ chức xếp hạng Đại học Shanghai Ranking Consultancy (Đại học Giao thông Thượng Hải - Trung Quốc).

5. Tài chính

Trường Đại học Duy Tân hoạt động theo nguyên tắc tự chủ về tài chính, tự cân đối thu chi, thực hiện các quy định của pháp luật về chế độ kế toán, kiểm toán. Nguồn thu của trường chủ yếu là học phí và các khoản lệ phí liên quan đến nhiệm vụ đào tạo, ...năm 2017-2018, Tổng thu ngân sách của Trường đạt 428 tỷ đồng và tổng chi là 409 tỷ đồng.

Các nguồn thu của trường được sử dụng đúng mục đích, phục vụ cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, nâng cao chất lượng đội ngũ giảng dạy, xây dựng CSVC, trang thiết bị phục vụ công tác giảng dạy và học tập và nộp nghĩa vụ với ngân sách theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Trường tự chủ hoàn toàn về tài chính. Nguồn thu của trường chủ yếu là học phí và lệ phí tốt nghiệp; Không có nguồn Ngân sách nhà nước cấp.

Trường thực hiện nghiêm túc về trách nhiệm và nghĩa vụ đối với nhà nước. Về kết quả kiểm toán, công tác kiểm toán theo niên độ và quyết toán tài chính được nhà trường thực hiện đúng qui định hiện hành.

HIỆU TRƯỞNG

TS. Lê Nguyên Bảo